

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI CỤC THUẾ KHU VỰC
PHƯỚC LONG-BÙ GIA MẬP-PHÚ RIỀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 428 /CCTKV-TTHT

V/v Hướng dẫn kê khai, nộp thuế trong tháng, quý 01/2025 và quyết toán thuế năm 2024.

Phước Long, ngày 13 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: - Phòng Văn hóa - Thông tin: thị xã Phước Long, huyện Bù Gia Mập, huyện Phú Riềng;
- Các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên địa bàn thị xã Phước Long, huyện Bù Gia Mập, huyện Phú Riềng.

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 139/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2016 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 22/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định về lệ phí môn bài;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 91/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế;

Để hỗ trợ Quý tổ chức, cá nhân thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ thuế, Chi cục Thuế Khu vực Phước Long – Bù Gia Mập – Phú Riềng gửi đến các cơ quan truyền thông trên địa bàn 03 huyện, thị xã phối hợp thực hiện tuyên truyền đến người nộp thuế được biết về thời hạn nộp một số hồ sơ khai thuế và quyết toán thuế trong các tháng đầu năm 2025, cụ thể như sau:

I. Kê khai thuế và nộp thuế trong tháng 01/2025.

1. Lệ phí môn bài năm 2025.

- Trong năm 2024, tổ chức, doanh nghiệp mới thành lập hoặc bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoặc có thành lập thêm đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh, hoặc có thay đổi về vốn quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư 65/2020/TT-BTC ngày 09/7/2020 thì thực hiện nộp hồ sơ khai lệ phí môn bài chậm nhất ngày 30/01/2025.



1.1. Các trường hợp miễn lệ phí môn bài

- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống.
- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình hoạt động sản xuất, kinh doanh không thường xuyên; không có địa điểm kinh doanh cố định.
- Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình sản xuất muối.
- Tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình nuôi trồng, đánh bắt thủy, hải sản và dịch vụ hậu cần nghề cá.
- Điểm bưu điện văn hóa xã; cơ quan báo chí (báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử).
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định của pháp luật về hợp tác xã nông nghiệp.
- Quỹ tín dụng nhân dân; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và của doanh nghiệp tư nhân kinh doanh tại địa bàn miền núi. Địa bàn miền núi được xác định theo quy định của Ủy ban Dân tộc.
- Miễn lệ phí môn bài trong năm đầu thành lập hoặc ra hoạt động sản xuất, kinh doanh (từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) đối với tổ chức, doanh nghiệp mới thành lập (được cấp mã số thuế mới) và hộ, cá nhân mới ra kinh doanh.
- Doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển từ hộ kinh doanh được miễn lệ phí môn bài trong thời hạn 03 năm đầu.

- Cơ sở giáo dục phổ thông công lập và cơ sở giáo dục mầm non công lập.

1.2. Mức thu lệ phí môn bài

- a) Đối với tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ
- Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng: 3.000.000 đồng/năm.
 - Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/năm.
 - Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác: 1.000.000 đồng/năm.
- b) Đối với hộ, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ:
- Doanh thu trên 500 triệu đồng/năm: 1.000.000 đồng/năm.
 - Doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm: 500.000 đồng/năm.
 - Doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm: 300.000 đồng/năm.

2. Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Thời hạn nộp tờ khai thuế và nộp tiền thuế GTGT như sau:

- Trường hợp khai thuế theo tháng: đối với kỳ tính thuế tháng 12/2024, chậm nhất là ngày 20/01/2025.
- Trường hợp khai thuế theo quý: đối với kỳ tính thuế quý 4/2024, chậm nhất là ngày 31/01/2025.

Mẫu biểu: 01/GTGT, 02/GTGT, 03/GTGT,... quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài Chính.

3. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

- Thời hạn tạm nộp thuế TNDN quý 4/2024 là ngày 30/01/2025.

- Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp của 04 quý không được thấp hơn 80% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán năm. Trường hợp người nộp thuế nộp thiếu so với số thuế phải tạm nộp 04 quý thì phải nộp tiền chậm nộp tính trên số thuế nộp thiếu kể từ sau ngày 30/01/2025 đến ngày liền kề trước ngày nộp số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước.

4. Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) từ tiền lương, tiền công

Tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có phát sinh khấu trừ thuế thì thời hạn nộp tờ khai thuế và nộp thuế như sau:

- Trường hợp khai thuế theo tháng: đối với kỳ tính thuế tháng 12/2024, chậm nhất là ngày 20/01/2025.

- Trường hợp khai thuế theo quý: đối với kỳ khai thuế quý 4/2024, chậm nhất là ngày 31/01/2025.

Mẫu biểu: 01/XSBHDC, 02/KK-TNCN, 05/KK-TNCN,... quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài Chính.

5. Thuế tiêu thụ đặc biệt, phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên

Tổ chức, doanh nghiệp có kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên (trừ dầu thô, khí thiên nhiên) thì thời hạn nộp tờ khai thuế tháng 12/2024 và nộp thuế chậm nhất là ngày 20/01/2025.

Mẫu biểu: 01/TTĐB, 01/TAIN, 01/PBVM, ... quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài Chính.

II. Quyết toán thuế năm 2024

Thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2024 và nộp tiền thuế chậm nhất ngày 31/3/2025 quy định tại Điều 44 Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019. Cụ thể:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổ chức, doanh nghiệp nộp tờ khai quyết toán thuế, báo cáo tài chính và số thuế TNDN còn phải nộp theo quyết toán (nếu có).

Mẫu biểu: 03/TNDN, 04/TNDN,... quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

2. Thuế thu nhập cá nhân

Tổ chức, doanh nghiệp trả thu nhập từ tiền lương, tiền công (không phân biệt có phát sinh hay không phát sinh khấu trừ thuế TNCN) có trách nhiệm nộp tờ khai quyết toán thuế và số thuế TNCN còn phải nộp theo quyết toán (nếu có).

Mẫu biểu: 05/QTT-TNCN, 02/QTT-TNCN,... quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

3. Thuế tài nguyên

Tổ chức, doanh nghiệp nộp tờ khai quyết toán thuế và nộp thuế theo chênh lệch giữa số thuế tài nguyên phải nộp theo quyết toán và đã kê khai (nếu có).

Mẫu biểu: 02/TAIN, 01-1/TAIN quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

4. Phí bảo vệ môi trường

Tổ chức, doanh nghiệp nộp tờ khai quyết toán Phí bảo vệ môi trường và nộp phí theo chênh lệch giữa số phí bảo vệ môi trường phải nộp theo quyết toán và đã kê khai (nếu có).

Mẫu biểu: 02/PBVMT quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính.

Chi cục Thuế mong được sự quan tâm và phối hợp của quý đơn vị về các nội dung tuyên truyền, hướng dẫn nêu trên để việc kê khai, nộp thuế được kịp thời, đầy đủ, đúng quy định.

Chi cục Thuế đề nghị các Đội thuế trực thuộc, thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn các nội dung nêu trên đến người nộp thuế kịp thời, đầy đủ, nhất quán.

Chi cục Thuế khu vực Phước Long - Bù Gia Mập - Phú Riềng trân trọng thông báo đến người nộp thuế được biết và thực hiện./. Klo

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế (báo cáo);
- Lãnh đạo Chi cục Thuế;
- Các Đội thuế thuộc CCTKV;
- Lưu: VT, Đội TTHTNNT-TB&TK.



Võ Anh Tuấn